

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 11-01-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 352/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2021 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 96, tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Vũ Sơn L sinh năm: 1987

Nơi đăng ký HKTT: Số 96, tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số 400, thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh L vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện

Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Hai bên đã nhiều lần trao đổi để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được nên không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung chị T xác định vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Trần Anh T1, sinh ngày 08/8/2012 và Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 25/7/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị T xác định trước đây có nợ Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Lâm Đồng, Phòng giao dịch huyện L số tiền 720.000.000đồng nhưng chị đã trả cho Ngân hàng và đã làm thủ tục xóa thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà nên hiện nay không còn nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Sơn L trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011. Vợ chồng anh chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cách sống và phong tục khác nhau, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên hiện nay vợ chồng đã ly thân được khoảng 06 tháng, trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung anh L xác định có 02 con chung là Vũ Trần Anh T1, sinh ngày 08/8/2012 và Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 25/7/2019. Khi ly hôn anh đề nghị giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh L xác định có nợ Ngân hàng Sacombank 720.000.000đồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L nhưng anh L không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng

trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: đề nghị giao cả hai con cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Vũ Sơn L vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/9/2011. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai chị T xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn. Còn tại bản tự khai anh L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị T là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống và phong tục nên hay cãi nhau, anh L đồng ý ly hôn. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng lại không tìm được cách giải quyết nên hay cãi nhau. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì do vợ chồng không hợp nhau nên đã tự sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp

[3]. Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là Vũ Trần Anh T1, sinh ngày 08/8/2012 và Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 25/7/2019. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì cả hai con

chung vẫn sống cùng chị T do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Anh Thư hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ còn cháu Thiện Nhân hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời, anh L cũng đồng ý giao cả hai con cho chị T nuôi khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cả hai con chung cho chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định có nợ Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Lâm Đồng, Phòng giao dịch huyện L số tiền 720.000.000đồng. Chị T xác định đã trả và xuất trình tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chị T đã trả nợ vào ngày 19/10/2021 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T và anh Vũ Sơn L được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả hai con là Vũ Trần Anh T1, sinh ngày 08/8/2012 và Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 25/7/2019 cho chị Trần Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Anh Vũ Sơn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002656 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh